

DẠNG 3: TỪ TRÁI NGHĨA

Bài 1. Em hãy chọn các cặp từ trái nghĩa trong các câu thành ngữ, tục ngữ sau:

- a) Ở hiền gặp lành, ở ác gặp dữ.
- b) Lá lành đùm lá rách
- c) Đi hỏi già, về nhà hỏi trẻ.
- d) Lên voi xuống chó.
- g) Trên đe dưới búa.
- h) Trước lạ sau quen.
- k) Anh em như thể chân tay.
- l) Rách lành đùm bọc dở hay đỡ đần.
- m) Thất bại là mẹ thành công.
- n) Bên trọng bên khinh.
- o) Bán anh em xa mua láng giềng gần.
- p) Chết vinh còn hơn sống nhục.
- q) Hết khôn dồn dại.
- r) Có mới nới cũ.

Bài 2. Em hãy chọn vào chữ cái trước câu văn có chứa cặp từ trái nghĩa:

- a) Bầu trời thì cao mà cánh đồng thì rộng.
- b) Chiếc quần thì còn mới mà chiếc áo thì đã cũ rồi.
- c) Tre già măng mọc.

Bài 3. Em hãy tìm và viết các từ trái nghĩa với các từ sau:

a) cẩn thận /

b) cao to /

c) thông minh /

d) đoàn kết /

Bài 4. Em hãy nối từ ở hàng A với từ trái nghĩa với nó ở hàng B:



cao

nông

sạch sẽ

gần gũi

đen đui



sâu

thấp

xa lạ

may mắn

bắn thiêu

Bài 5. Em hãy tìm từ trái nghĩa với từ in đậm trong đoạn thơ sau rồi điền vào chỗ trống trong ngoặc đơn theo mẫu:

a) Đứng trong chậu thì **mềm** (*rắn*)

Rửa bàn tay **sạch** quá ()

Vào tủ lạnh hóa đá ()

Rắn như đá ngoài đường ()

b)

Sùng sục **trên** bếp đun ()

Nào tránh **xa** kéo bóng ()

Bay hơi là **nhẹ** lắm ()

Lên **cao** làm mây trôi ()

Bài 6. Em hãy nối mỗi từ ở cột A với một từ ở cột B để tạo thành các cặp từ có nghĩa trái ngược nhau:

A

nóng
dài
chậm
muộn
dũng cảm
cần cù
sạch sẽ
ngoan
cẩn thận

B

ngắn
nhanh
lạnh
hèn nhát
lười biếng
sớm
cầu thả
hư
bân thỉu

Bài 7. Em hãy chọn cặp từ trái nghĩa trong các câu thành ngữ, tục ngữ sau:

- a) Chân cứng đá mềm. c) Làng trên xóm dưới.
- b) Lên thác xuống ghềnh, d) Ra khơi vào lộng.

Bài 8. Với mỗi nghĩa dưới đây của từ “lành” và từ “mở”, em hãy tìm từ trái nghĩa:

- a) Lành**

- vị thuốc lạnh: vị thuốc độc

- tính tình lạnh:

- quần áo lạnh:

- chén bát lành:

- b) Mở**

- mở cửa: đóng cửa

- mở sách:

- mở màn (sân khấu):

- mở vung (nồi):

- mở mắt:

Bài 9. Em hãy tìm và chọn từ có nghĩa trái ngược với từ “lười biếng” trong câu sau:

Nhân dân ta rất anh hùng, hăng hái và cần cù.

Bài 10. Em hãy tìm và chọn từ có nghĩa trái ngược với từ “*thành công*” trong câu sau:

Vì lười tập luyện, anh ấy đã thất bại trong lần chinh phục huy chương vàng môn điền kinh.

Bài 11. Em sắp xếp các từ sau thành các cặp từ trái nghĩa:

- a) sáng, trời, ngày, mưa, đất, nắng, đêm, tối.

- b)** đi, ra, ngoài, gốc, vào, về, trong, ngọn.